

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 101/2023/HS-ST

Ngày: 31-10-2023.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thị Hải.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, Quảng Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi– Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2023/TLST-HS ngày 09/10/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HS, ngày 18/10/2023, đối với bị cáo:

Trương Thị Hồng T, sinh ngày 14/5/1971. Trú tại: Thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo. Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; con ông Trương H (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); chồng: Phạm Văn H; có 05 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 09/6/2023 cho đến nay; có mặt.

-Bị hại: Bà Trương Thị T, sinh năm 1965 (chết).

Trú tại: Thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Phạm Văn H, sinh năm 1970; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

+Trần Đình T, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

-Người đại diện hợp pháp bị hại: Hoàng N, sinh năm 1962 ; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 05/4/2023, Trương Thị Hồng T (không có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 có dung tích xi lanh 110m3 chở chị gái là Trương Thị T (sinh năm 1965) trú cùng thôn ngồi sau xe, di chuyển

trên đường Hồ Chí Minh theo hướng Bắc - Nam. Khi đi đến đoạn giao nhau với đường liên xã rẽ vào nhà thờ T tại km 945 + 500m đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã P, huyện B, tỉnh Q, T chuyển hướng sang đường để rẽ vào nhà thờ thì va chạm với xe mô tô mang BKS 73F1 - 016.31 do Trần Đình T điều khiển đang lưu thông theo hướng Nam - Bắc gây tai nạn. Hậu quả: Bà T bị thương được đưa đi cấp cứu, đến ngày 07/4/2023 thì tử vong. Hai phương tiện bị hư hỏng. Phiếu kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Trương Thị Hồng T sau khi xảy ra tai nạn là: 0.000mg/L, đối với Trần Đình Thi là 0.13mg/L.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường thấy: Hiện trường vụ án xảy ra tại km 945 + 500m đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã P, huyện B, tỉnh Q. Đoạn đường nơi xảy ra vụ án là đường thẳng, bằng phẳng và được chia thành hai chiều đường riêng biệt và được phân cách với nhau bằng vạch sơn màu vàng đứt quãng, mỗi làn rộng 04m. Nằm ở bên phải chiều đường hướng Nam - Bắc có đường liên xã rộng 09m và có cột biển báo dành cho người đi bộ qua đường phía trước 150m. Lấy cột biển báo dành cho người đi bộ qua đường làm điểm mốc cố định, lấy mép phải đường Hồ Chí Minh làm chuẩn, tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng Nam - Bắc, cũng là hướng di chuyển của xe mô tô biển kiểm soát M 73F1 - 016.31, có các dấu vết cụ thể như sau:

Vị trí số (1): Xe mô tô biển kiểm soát 73F1 - 016.31 nằm trên mặt đường ở chiều đường hướng Nam - Bắc, xe bị ngã nghiêng về bên trái, đầu xe quay về hướng Đông - Bắc, đuôi xe quay về hướng Tây - Nam. Tâm trục bánh trước và trục bánh sau lần lượt cách mép chuẩn 1,05m và 2,1m. Tâm trục bánh trước cách tim đường liên xã về phía Nam là 8,8m, cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát 73F1 - 166.09 (vị trí số 02) là 0,65m.

Vị trí số (2): Xe mô tô biển kiểm soát 73F1 - 166.09 nằm trên mặt đường ở chiều đường hướng Nam Bắc, xe bị ngã nghiêng về bên trái, đầu xe quay về hướng Đông - Nam, đuôi xe quay về hướng Tây - Bắc. Tâm trục bánh trước và trục bánh sau lần lượt cách mép chuẩn 0,5m và 0,75m. Tâm trục bánh sau cách tâm đám chất màu nâu nghi máu (vị trí số 03) là 1,8m.

Vị trí số (3): Đám chất màu nâu nghi máu có kích thước (0,4 x 0,2)m. Tâm dấu vết nằm ngay mép đường chuẩn và cách điểm mốc về phía Bắc 13,3m. (BL 7 - 13). Biên bản xác định hiện trường ngày 05/6/2023 tại đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Q thể hiện: Vị trí số 1 được xác định là vị trí xảy ra va chạm giữa xe mô tô BKS 73F1- 016.31 và xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 trong vụ tai nạn giao thông. Vị trí này nằm trên chiều đường hướng Nam - Bắc của trục đường Hồ Chí Minh. Các điểm mốc nằm ở phía Bắc 18m, cách mép chuẩn 2m, cách tâm vị trí giao nhau giữa hai trục đường ở phái Nam là 2,3m. Ngoài ra quá trình xác định hiện trường không xác định gì thêm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện cho thấy: Dấu vết trên xe mô tô BKS 73F1 - 016.31 và xe mô tô BKS 73F1 - 166.09: Tại Kết luận giám định số: 364/KL-KTHS ngày 04/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các dấu vết trượt xước bám dính chất màu đỏ (dạng sơn) ở phần trước chắn bùn bánh xe trước; dấu vết trượt xước bám dính màng nhựa ở mặt lặn lốp bánh trước; dấu vết móp lún ở vành bánh trước xe mô tô BKS 73F1 - 016.31 có đặc điểm phù hợp với dấu vết gãy, trượt xước bám dính chất màu đen (dạng cao su) ở mang xe bên phải; dấu vết trượt xước ở mặt bên phải ốp bảo vệ lọc gió; dấu vết trượt xước bám dính chất màu trắng (dạng sơn) ở bên phải bộ xử lý khí thải; dấu vết trượt bám dính chất màu đen (dạng cao su) ở động cơ xe mô tô

BKS 73F1 - 166.09. Đặc điểm các dấu vết nêu trên phù hợp với tình huống phần trước chấn bunn bánh xe trước và bánh trước xe mô tô BKS 73F1 - 016.31 va chạm với mang xe bên phải, ốp bảo vệ lọc gió, bộ xử lý khí thải và động cơ xe mô tô BKS 73F1 166.09 theo hướng từ phải sang trái so với trục dọc của xe mô tô BKS 73F1 - 166.09.

* Kết quả khám nghiệm tử thi Trương Thị Thuận, thấy: Tại Bản kết luận giám định giám định pháp y về tử thi số: 49/KLGĐTTTTGĐYK-PPY ngày 16/5/2023 của Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng Bình kết luận: Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

* Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô BKS 73F1 - 166.09; 01 (một) xe mô tô BKS 73F1- 016.31; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số T480346 mang tên Trần Đình T; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 001852 BKS 73F1-016.31 mang tên Trần Công B; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 024507 BKS 73F1 - 166.09 mang tên Phạm Hưng.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn H (chồng bị cáo Thịnh). Ngày 05/4/2023, T tự ý lấy xe đi và sử dụng xe bị tai nạn, ông H không biết. Đối với xe mô tô số BKS 73F1- 016.31 được xác định thuộc quyền sở hữu của anh Trần Công B ở K, xã X (con trai ông T) nhưng năm 2021 anh B đã tặng lại cho ông T để sử dụng. Nên ngày 09/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 30/QĐ-CSĐT trả lại xe mô tô BKS 73F1 166.09 cho ông H, đồng thời trả lại xe xe mô tô BKS 73F1- 016.31 cho ông Trần Đình T. Riêng giấy phép lái xe hạng A1 của ông Trần Đình T và giấy đăng ký xe mô tô số BKS 73F1- 016.31 mang tên Trần Công B, Cơ quan CSĐT đã chuyển đến Đội CSGT - Trật tự Công an huyện đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Đình T.

* Trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình nạn nhân số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng). Phía gia đình nạn nhân đã nhận đủ, cam đoan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số: 97/CT-VKSBT ngày 06/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Trương Thị Hồng T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trương Thị Hồng T đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo T. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn H trú tại thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q (chồng bị cáo T). Ngày 05/4/2023, Thịnh tự ý lấy xe đi và sử dụng xe bị tai nạn, ông H không biết. Đối với xe mô tô BKS 73F1- 016.31 được xác định thuộc quyền sở hữu của anh Trần Công

B ở K, xã X (con trai ông T) nhưng năm 2021 anh B đã tặng lại cho ông T để sử dụng. Ngày 09/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bồ Trạch đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 30/QĐ-CSĐT trả lại xe mô tô BKS 73F1 166.09 cho ông H, đồng thời trả lại xe mô tô số BKS 73F1- 016.31 cho ông Trần Đình T. Riêng giấy phép lái xe hạng A1 của ông Trần Đình T và giấy đăng ký xe mô tô BKS 73F1- 016.31 mang tên Trần Công B, Cơ quan CSĐT đã chuyển đến Đội CSGT - Trật tự Công an huyện để nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Đình T, nên không xét.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình nạn nhân số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Phía gia đình nạn nhân đã nhận đủ, cam đoan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin bãi nại cho bị cáo Trương Thị Hồng Thịnh, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Thịnh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Trương Thị Hồng T đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/4/2023, tại km 945 + 500m đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Phúc Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, Trương Thị Hồng T (không có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 có dung tích xi lanh 110m³ chở Trương Thị T ngồi sau. Khi đến đoạn giao nhau với đường liên xã đã chuyển hướng không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 73F1- 016.31 do ông Trần Đình T điều khiển làm bà Trương Thị T tử vong. Hành vi của bị cáo chẳng những gây bao mất mát, đau thương cho gia đình bị hại không gì bù đắp được mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: không; tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho gia đình nạn nhân; tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại cho bị cáo, thiệt hại xảy ra là tính mạng nên không xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cũng cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt; bị cáo có quá trình nhân thân tốt; là phụ nữ; gia đình có 05 người con; gia đình đang gặp khó khăn; đại diện gia đình bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có chỗ ở rõ ràng, ổn định nên không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng; không xử phạt hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T là có căn cứ.

Trong vụ án này, ông Phạm Văn H (chủ sở hữu và là người quản lý, sử dụng xe mô tô 73F1 - 166.09), khi bị cáo T tự ý lấy xe đi và điều khiển xe mô tô gây tai nạn, ông H không biết nên không có căn cứ xử lý TNHS. Đối với ông Trần Đình T, trong quá trình điều khiển xe mô tô BKS 73F1 016.31 tham gia giao thông nồng độ cồn trong hơi thở của ông T là 0.130mg/L và xe mô tô BKS 73F1 - 016.31, tại thời điểm xảy ra tai nạn xe mô tô BKS 73F1 - 016.31 không có Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS. Hành vi nói trên của ông Trần Đình T đã vi phạm quy định tại điểm c, khoản 6, Điều 6 và điểm a, khoản 2, điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ), Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã đề nghị Phòng CSGT tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, nên không xét là có căn cứ.

[5] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 73F1 - 166.09 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn H. Ngày 05/4/2023, Thịnh tự ý lấy xe đi và sử dụng xe bị tai nạn, ông H không biết. Đối với xe mô tô số 001852 BKS 73F1- 016.31 được xác định thuộc quyền sở hữu của anh Trần Công B ở K, xã X (con trai ông T) nhưng năm 2021 anh B đã tặng lại cho ông T để sử dụng. Nên ngày 09/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 30/QĐ-CSĐT trả lại xe mô tô BKS 73F1 166.09 cho ông H, đồng thời trả lại xe xe mô tô số BKS 73F1- 016.31 cho ông Trần Đình T. Riêng giấy phép lái xe hạng A1 của ông Trần Đình T và giấy đăng ký xe mô tô BKS 73F1- 016.31 mang tên Trần Công B, Cơ quan CSĐT đã chuyển đến Đội CSGT - Trật tự Công an huyện Bố Trạch đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Đình T, nên không xét là có căn cứ.

[6]Trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình nạn nhân số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Phía gia đình nạn nhân đã nhận đủ, cam đoan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đơn xin bãi nại cho bị cáo Trương Thị Hồng T,nên không xét là có căn cứ.

[7] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố Trương Thị Hồng T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Hồng T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/10/2023).

Giao bị cáo Thịnh cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo T trong thời gian thử thách của án treo. Không xử phạt hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T.

Trong trường hợp bị cáo Trương Thị Hồng T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết nên không xét.

3. Án phí: Bị cáo Trương Thị Hồng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch (2);
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Quảng Bình;
- Thi hành án phạt tù;
- Công an huyện Bố Trạch (3);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bị cáo Trương Thị Hồng T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ; lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Vân